

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST

Ngày: 14/4/2025.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước
2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-KDTM ngày 22/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 10/3/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1)

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, số C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người Đại diện hợp pháp của ông Đào Mạnh K là ông Nguyễn Huy T - Trưởng Ban xử lý nợ.

(Theo giấy ủy quyền ngày 01/10/2024)

Ông Nguyễn Huy Thành ủy Q lại cho:

- Anh Trần Văn D - Trưởng bộ phận xử lý nợ (vắng)

- Chị Nguyễn Thị Hồng Đ - Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

- Trần Trọng N - Chuyên viên xử lý nợ (vắng)

Cùng địa chỉ: số A P, Phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 09/4/2025)

2. Bị đơn: Công ty TNHH L

Địa chỉ trụ sở: Số D đường Đ, tổ D, ấp T. Xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long;
là bị đơn
Người đại diện theo pháp luật - Bà Trần Thị Thúy P - chức vụ Giám đốc (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà **Trần Thị Thúy P**, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1962 (xin vắng)
Bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 1965 (xin vắng)
Chị **Huỳnh Thùy T2**, sinh năm 1985 (vắng)
Anh **Huỳnh Việt Q1**, sinh năm 1988 (vắng)
Cùng địa chỉ: số D tổ G ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP A do chị Nguyễn Thị Hồng Đ đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho công ty TNHH L theo hợp đồng cho vay hạn mức số 889/22/TD/SME/031 ngày 12/10/2022. Nội dung cho vay cụ thể như sau:

Số tiền cấp hạn mức 4.800.000.000 đồng.

Mục đích vay: Tài trợ vốn lưu động hoạt động kinh doanh.

Thời hạn hiệu lực rút vốn của HMCV: 12 tháng, kể từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/10/2023.

Lãi suất vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ;

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không đúng hạn: 10%/năm

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng nêu trên: bà Trần Thị Thúy P, ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Mỹ H, bà Huỳnh Thùy T2, ông Huỳnh Việt Q1 lần lượt ký với Ngân hàng TMCP A các hợp đồng thế chấp như sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 15/7/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp QSD đất số SĐBS.01-2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 12/10/2022:

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 41, diện tích 6.728m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Huỳnh Văn T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2531D/21/BL/XXVIII ký ngày 17/9/2021:

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2588, tờ bản đồ số 7, diện tích 963m², loại đất CLN, tọa lạc ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do bà Trần Thị Thúy P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cập nhật thay đổi ngày 10/9/2021).

Ngân hàng TMCP A đã giải ngân và Công ty TNHH L đã rút vốn tổng số tiền 1.480.000.000 đồng theo:

- Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023, số tiền rút 480.000.000 đồng, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay từ ngày 08/6/2023 đến ngày 04/12/2023. Phương thức trả nợ: trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng.

- Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023, số tiền rút 500.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay từ ngày 12/10/2023 đến ngày 08/4/2024. Phương thức trả nợ: trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng.

- Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023, số tiền rút 500.000.000 đồng, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay từ ngày 07/6/2023 đến ngày 01/12/2023. Phương thức trả nợ: trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng.

Tính đến ngày 17/4/2024, Công ty TNHH L còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 1.573.449.843 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.479.999.956 đồng; lãi 93.449.887 đồng.

Đối với số nợ trên Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo nhắc nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn. Tuy nhiên, khách hàng đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký. Các khoản nợ chuyển sang quá hạn như sau: Theo Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023 quá hạn ngày 01/12/2023; Theo Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023 quá hạn ngày 04/12/2023; Theo Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023 quá hạn ngày 08/4/2024.

Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Ngân hàng TMCP A (A1) yêu cầu Công ty TNHH L thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 18/02/2025 là 1.776.565.179 đồng, trong đó nợ gốc là 1.479.999.956 đồng, nợ lãi trong hạn 28.458.794 đồng, quá hạn 267.106.429 đồng (trong đó Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023 nợ gốc 479.999.956 đồng, lãi trong hạn 4.287.559 đồng; lãi quá hạn 100.267.388 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.041.096 đồng, lãi quá hạn 105.154.110 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng; lãi trong hạn 19.130.139 đồng, lãi quá 61.684.932 đồng).

Yêu cầu công ty TNHH L phải thanh toán nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 19/02/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thanh toán công nợ.

Trường hợp Công ty TNHH L không trả hoặc trả không đủ nợ thì A1 có quyền xử lý tài sản bao đảm theo hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bản đảm theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 15/07/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SĐBS.01-2531C/21/BL/XXVIII ký ngày

12/10/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2531D/21/BL/XXVIII ký ngày 17/9/2021 để A1 thu hồi nợ.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì Công ty TNHH L sẽ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết số nợ còn lại.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2024 bị đơn Công ty TNHH L do bà Trần Thị Thúy P đại diện trình bày:

Bà thống nhất trình bày của đại diện Ngân hàng A. Công ty TNHH L có vay của Ngân hàng TMCP A theo hợp Số tiền cấp hạn mức 4.800.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ vốn lưu động hoạt động kinh doanh; Thời hạn hiệu lực rút vốn của HMCV: 12 tháng, kể từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/10/2023; Lãi suất vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không đúng hạn: 10%/năm.

Ngân hàng TMCP A đã giải ngân và Công ty TNHH L đã rút vốn tổng số tiền 1.480.000.000 đồng theo: Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023, số tiền rút 480.000.000 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023, số tiền rút 500.000.000 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023, số tiền rút 500.000.000 đồng.

Lý do chậm trả nợ là do trước khi hết hạn hợp đồng thì Ngân hàng không báo trước để công ty chuẩn bị hồ sơ trình về hội sở để tái ký hợp đồng. Sau khi bổ sung hồ sơ thì quy trình trình ký mất thời gian. Khi bên công ty đã gửi đầy đủ hồ sơ thì Ngân hàng không duyệt tái ký. Khi công ty đề nghị rút từng món thì Ngân hàng không đồng ý và buộc phải tất toán toàn bộ hợp đồng dẫn đến bị quá hạn hợp đồng và ảnh hưởng đến khoản vay tại các Ngân hàng khác. Điều này làm ảnh hưởng đến hoạt động công ty bị ngưng trệ do vậy bà đề nghị ngân hàng có một phần trách nhiệm trong vấn đề.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty TNHH L đồng ý trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A số tiền gốc lãi tạm tính đến ngày 11/11/2024 là 1.710.387.921 đồng, trong đó nợ gốc là 1.479.999.956 đồng, nợ lãi là 230.387.965 đồng (trong đó Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023 nợ gốc 479.999.956 đồng, lãi trong hạn 4.287.559 đồng; lãi quá hạn 77.809.308 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.041.096 đồng, lãi quá hạn 81.760.272 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng; lãi 19.130.139 đồng, lãi quá 42.395.589 đồng). Đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 12/11/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thanh toán công nợ.

- Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thúy P trình bày:

Bà có thể chấp cho Ngân hàng TMCP A theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2531D/21/BL/XXVIII ký ngày 17/9/2021: Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng

đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2588, tờ bản đồ số 7, diện tích 963m², loại đất CLN, tọa lạc ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do bà Trần Thị Thúy P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cập nhật thay đổi ngày 10/9/2021) để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả nợ của Công ty TNHH L theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2531/21/TD/XXVIII ngày 15/7/2021 và các hợp đồng/văn bản/ tài liệu khác liên quan đến việc cấp tín dụng phát sinh trong tương lai trong thời hạn 30 năm từ thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp; các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các phụ lục hợp đồng; phụ lục sửa đổi, bổ sung và các hợp đồng/văn bản/ tài liệu khác có liên quan đến việc cấp tín dụng. Trường hợp Công ty TNHH L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP A thì bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP A.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T1 trình bày:*

Ngày 15/7/2021 ông cùng các thành viên trong hộ gồm Trần Mỹ H, Huỳnh Thùy T2, Huỳnh Việt Q1 có ký hợp đồng thế chấp QSD đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH L đối với Ngân hàng TMCP A. Tài sản thế chấp là QSD đất thửa số 6, tờ bản đồ số 41, diện tích 6.728m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 12/10/2022 ông có ký với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh V hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông có ý kiến như sau: Trường hợp Công ty TNHH L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc lãi theo hợp đồng đã ký cho Ngân hàng TMCP A thì ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất thửa số 6, tờ bản đồ số 41, diện tích 6.728m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng thế chấp đã ký. Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần M trình bày:*

Ngày 15/7/2021 bà cùng các thành viên trong hộ gồm Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thùy T2, Huỳnh Việt Q1 có ký hợp đồng thế chấp QSD đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH L đối với Ngân hàng TMCP A. Đến ngày 12/10/2022 bà có ký với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh V hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp. Tài sản thế chấp là QSD đất thửa số 6, tờ bản đồ số 41, diện tích 6.728m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc lãi theo hợp đồng đã ký cho Ngân hàng TMCP A thì bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất thửa số 6, tờ bản đồ số 41, diện tích 6.728m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng thế chấp đã ký. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A1) yêu cầu Công ty TNHH L thanh toán số tiền tính đến ngày 14/4/2025 là 1.811.774.767 đồng, trong đó nợ gốc là 1.479.999.956 đồng, nợ lãi trong hạn 28.458.794 đồng, quá hạn

303.316.017 đồng (trong đó Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023 nợ gốc 479.999.956 đồng, lãi trong hạn 4.287.559 đồng; lãi quá hạn 112.744.099 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.041.096 đồng, lãi quá hạn 118.150.685 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng; lãi trong hạn 19.130.139 đồng, lãi quá hạn 72.421.233 đồng).

Yêu cầu công ty TNHH L phải thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 15/4/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thanh toán công nợ.

Trường hợp Công ty TNHH L không trả hoặc trả không đủ nợ thì A1 có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2531C/21BL/XXVIII ký ngày 15/07/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SĐBS.01-2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 12/10/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2531D/21/BL/XXVIII ký ngày 17/9/2021 để A1 thu hồi nợ.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì Công ty TNHH L sẽ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết số nợ còn lại.

- Bị đơn Công ty TNHH L do bà Trần Thị Thúy P đại diện trình bày: Công ty TNHH L đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc và lãi trong hạn theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với lãi quá hạn xin được miễn, giảm lý do hiện nay công ty gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng chi trả.

- Người liên quan bà Trần Thị Thúy P trình bày: trường hợp Công ty TNHH L không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP A thì bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2588, tờ bản đồ số 7, diện tích 963m², loại đất CLN, tọa lạc ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do bà Trần Thị Thúy P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 30, 35, 39, 92, 147, 158, 227, 228 BLTTDS năm 2015;

Điều 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, Điều b Khoản 1 Điều 688 BLDS 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024; Khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A buộc Công ty TNHH L trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/4/2025 là 1.811.774.767 đồng (trong đó nợ gốc là 1.479.999.956 đồng, lãi trong hạn là 28.458.794 đồng, lãi quá hạn là 303.316.017 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 889/22/TD/SME/031 ngày 12/10/2022 cho đến ngày Công ty thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty TNHH L không trả nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH L phải chịu số tiền 3.610.000 đồng.

Án phí: Buộc Công ty TNHH L chịu số tiền là 66.353.243 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, làm tròn là 66.353.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Mỹ H xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thùy T2, Huỳnh Việt Q1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

Xét, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thừa nhận Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho công ty TNHH L theo hợp đồng cho vay hạn mức số 889/22/TD/SME/031 ngày 12/10/2022. Nội dung cho vay cụ thể như sau:

Số tiền cấp hạn mức 4.800.000.000 đồng.

Mục đích vay: Tài trợ vốn lưu động hoạt động kinh doanh.

Thời hạn hiệu lực rút vốn của HMCV: 12 tháng, kể từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/10/2023.

Lãi suất vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ;

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không đúng hạn: 10%/năm

Ngân hàng TMCP A đã giải ngân và Công ty TNHH L đã rút vốn tổng số tiền 1.480.000.000 đồng theo:

- Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023, số tiền rút 480.000.000 đồng, lãi suất vay 11%/năm.

- Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023, số tiền rút 500.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm.

- Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023, số tiền rút 500.000.000 đồng, lãi suất vay 11%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán không trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Các khoản vay chuyển sang quá hạn như sau: theo giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023 quá hạn ngày 08/4/2024; theo giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023 quá hạn ngày 04/12/2023; theo giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023 quá hạn ngày 01/12/2023, theo đó lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét mức lãi suất và chuyển dư nợ sang quá hạn đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100, 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tính đến ngày 14/4/2025 bị đơn Công ty TNHH L còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền tổng cộng là 1.811.774.767 đồng, trong đó nợ gốc là 1.479.999.956 đồng, nợ lãi trong hạn 28.458.794 đồng, quá hạn 303.316.017 đồng (trong đó Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023 nợ gốc 479.999.956 đồng, lãi trong hạn 4.287.559 đồng; lãi quá hạn 112.744.099 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.041.096 đồng, lãi quá hạn 118.150.685 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng; lãi trong hạn 19.130.139 đồng, lãi quá hạn 72.421.233 đồng).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền này, đồng thời, bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh trên dư nợ chưa thanh toán tính từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán hết dư nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn do bà P - chức vụ Giám đốc đại diện thừa nhận còn nợ số nợ gốc và lãi như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Riêng đối với lãi quá hạn xin xem xét miễn, giảm do công ty G nhiều khó khăn. Đại diện nguyên đơn trình bày không đồng ý miễn, giảm lãi quá hạn cho bị đơn, đến giai đoạn thi hành án nếu bị đơn trả xong nợ gốc sẽ xem xét việc giảm lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 1.811.774.767 đồng, trong đó nợ gốc là 1.479.999.956 đồng, nợ lãi trong hạn 28.458.794 đồng, quá hạn 303.316.017 đồng và tiếp tục lãi phát sinh tính từ ngày 15/4/2025 cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét nguyên đơn không đồng ý miễn giảm lãi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn.

[3] Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 15/7/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp QSD đất số SDBS.01-2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 12/10/2022:

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 41, diện tích 6.728m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Huỳnh Văn T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 2531D/21/BL/XXVIII ký ngày 17/9/2021:

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2588, tờ bản đồ số 7, diện tích 963m², loại đất CLN, tọa lạc ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do bà Trần Thị Thúy P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cập nhật thay đổi ngày 10/9/2021).

Đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 889/22/TD/SME/031 ngày 12/10/2022.

Xét, hai Hợp đồng thế chấp được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, tài sản thế chấp thuộc bên bảo đảm, hợp đồng được công chứng theo quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 20/9/2021 và tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 15/7/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Người liên quan gồm bà Trần Thị Thúy P, ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Mỹ H cũng đồng ý phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp Công ty TNHH L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 889/22/TD/SME/031 ngày 12/10/2022.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.610.000 đồng. Phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước nên buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.610.000 đồng.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 66.300.000 đồng (làm tròn) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, 147, 157, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103 của Luật tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

1. Buộc Công ty TNHH L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi còn nợ đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 889/22/TD/SME/031 ngày 12/10/2022, tính đến ngày 14/4/2025 số tiền tổng cộng là 1.811.774.767 đồng (một tỷ, tám trăm mười một triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 1.479.999.956 đồng, nợ lãi trong hạn 28.458.794 đồng, quá hạn 303.316.017 đồng (gồm Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023 nợ gốc 479.999.956 đồng, lãi trong hạn 4.287.559 đồng; lãi quá hạn 112.744.099 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.041.096 đồng, lãi quá hạn 118.150.685 đồng; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023 nợ gốc 500.000.000 đồng; lãi trong hạn 19.130.139 đồng, lãi quá hạn 72.421.233 đồng).

2. Buộc Công ty TNHH L có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP A tính từ ngày 15/4/2025 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận ghi trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 889/22/TD/SME/031 ngày 12/10/2022 (theo Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 08/6/2023; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.8 ngày 07/6/2023; Giấy nhận nợ số 889/22/TD/SME/031.9 ngày 12/10/2023).

3. Trường hợp, Công ty TNHH L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và lãi phát sinh nêu trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 15/7/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp QSD đất số SĐBS.01-2531C/21/BL/XXVIII ký ngày 12/10/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2531D/21/BL/XXVIII ký ngày 17/9/2021:

Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 41, diện tích 6.728m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Huỳnh Văn T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2588, tờ bản đồ số 7, diện tích 963m², loại đất CLN, tọa lạc ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ do bà Trần Thị Thúy P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cập nhật thay đổi ngày 10/9/2021).

4. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.610.000 đồng. Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng chi phí này nên buộc Công ty TNHH L phải trả lại 3.610.000 đồng (ba triệu, sáu trăm mười nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP A.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH L phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.300.000 đồng (sáu mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.600.000 đồng (hai mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001566 ngày 22/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thúy P có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T1, Trần Mỹ H, Huỳnh Thùy T2, Huỳnh Việt Q1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Ánh Tuyết